

Phụ lục 1: DANH MỤC BẢO GIÁ □

(Kèm theo Thư mời báo giá số / TTYT-TM ngày tháng năm 2025 của TTYT Chợ Mới)

ST T	Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói (tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lí: Chất lỏng; Màu: Không; Mùi: Không; Độ pH: 7.35 đến 7.55; Tính tan: Tan trong nước. Thành phần: Natri clorid, Sulfate. Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	18Lít/ Can	Can	23
2	Ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất ly giải cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lý: Chất lỏng; Màu: Không; Mùi: Nhẹ; Độ pH: 7.0 đến 7.6. Tính tan: Tan trong nước. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương: Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	250mL/ Can	Can	4
3	Rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất tẩy rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng; Màu: Xanh dương; Mùi: nhẹ; Độ pH: 8.0 đến 8.6. Tính tan: Tan trong nước. Thành phần: ethylene glycol monophenyl ether: Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	2Lít/ Can	Can	2
4	Rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất tẩy rửa cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lý: Chất lỏng; Màu: Vàng hoặc vàng xanh lá; Mùi: Mùi khó chịu (clo); Độ pH: 10.0 đến 13.0; Tính tan: Tan trong nước. Thành phần: Natri hypoclorit (NaCLO). Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	3 x 15mL/ Bộ	Bộ	4
5	Ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất ly giải cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lý: Chất lỏng; Màu: không; Mùi: Không; Độ pH: 8.0 đến 8.6. Tính tan: Tan trong nước(dung dịch nước). Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm: Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	250mL/ Can	Can	4
6	Vật liệu kiểm soát mức bình thường xét nghiệm định lượng 20 thông số huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy phân tích huyết học mức thường. Trạng thái vật lí: Chất lỏng; Màu: Đỏ sẫm; Mùi: Mùi máu; Độ pH: Trung tính; Tính tan: Tan trong nước; Nhiệt độ tự bốc cháy: Không tự bốc cháy. Thành phần: Có nguồn gốc từ con người hoặc động vật; Natri azide (NaN ₃): Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	3 mL/ Lọ	Lọ	4

7	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng 20 thông số huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy phân tích huyết học mức thấp. Trạng thái vật lí: Chất lỏng; Màu: Đỏ sẫm; Mùi: Mùi máu; Độ pH: Trung tính; Tính tan: Tan trong nước; Nhiệt độ tự bốc cháy: Không tự bốc cháy. Thành phần: Có nguồn gốc từ con người hoặc động vật; Natri azide (NaN ₃): Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	3 mL/ Lọ	Lọ	3
8	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng 20 thông số huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy phân tích huyết học mức cao. Trạng thái vật lí: Chất lỏng; Màu: Đỏ sẫm; Mùi: Mùi máu; Độ pH: Trung tính; Tính tan: Tan trong nước; Nhiệt độ tự bốc cháy: Không tự bốc cháy. Thành phần: Có nguồn gốc từ con người hoặc động vật; Natri azide (NaN ₃): Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	3 mL/ Lọ	Lọ	3
9	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: Chất pha loãng, chất phản ứng ly giải và chất tẩy rửa Enzymatic. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Diluent:5000 mL, Cleaner: 750 mL, lyse:125 mL	Pack	18
10	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu A	Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên A trên bề mặt hồng cầu Thuốc thử nhóm máu chứa kháng thể IgM đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm. Dung dịch đệm photphat chứa natri clorua, EDTA và nguyên liệu bò. Thuốc thử chứa <0,1% natri azide và các chất tạo màu và dòng tế bào sau: - Thuốc thử: Anti A - Màu sắc: Màu xanh da trời - Thuốc nhuộm: Patent blue - Dòng tế bào: BRIMA-1 Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% Chứng chỉ: ISO13485	Lọ 10 mL /Hộp	Lọ	5

11	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu B	Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên B trên bề mặt hồng cầu Thuốc thử nhóm máu chứa các kháng thể IgM đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm. Dung dịch này là dung dịch đệm photphat chứa natri clorua, EDTA và nguyên liệu bò. Thuốc thử chứa <0,1% natri azide và các chất tạo màu và dòng tế bào sau: - Thuốc thử: Anti B - Màu sắc: Màu Vàng - Thuốc nhuộm: Tartrazin - Dòng tế bào: LB-2 Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% Chứng chỉ: ISO13485	Lọ 10 mL / Hộp	Lọ	5
12	Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu A, B	Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên A hoặc B trên bề mặt hồng cầu Thuốc thử nhóm máu chứa kháng thể IgM đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm. Dung dịch đệm photphat chứa natri clorua, EDTA và nguyên liệu bò. Thuốc thử chứa <0,1% natri azide và các chất tạo màu và dòng tế bào sau: - Thuốc thử: Anti - A,B - Màu sắc: Không màu - Thuốc nhuộm: Không có - Dòng tế bào: ES-15/ES-4 Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% Chứng chỉ: ISO13485	Lọ 10 mL /Hộp	Lọ	5
13	Cum chẩn đoán Invitro	Huyết thanh chẩn đoán Spectrum Anti-Human Globulin để phát hiện in-vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Lọ 10 mL / Hộp	Lọ	2

14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Activated Partial Thromboplastin Time Detection Kit	Hóa chất xét nghiệm APTT Thành phần chính: APTT Ellagic Acid <0.1 mmol/L; Calcium Chloride Solution <45 mmol/L Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	10x5mL + 1x51mL	Hộp	2
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Prothrombin Time Detection Kit	Hóa chất dùng để phát hiện định lượng thời gian protrombin trong huyết tương người trong ống nghiệm. Thành phần chính: Thuốc thử dịch PT <3mg/L; Chất hiệu chuẩn thời gian prothrombin; Chất kiểm soát thời gian prothrombin Tiêu chuẩn công nghệ: ISO 13485	10x5 mL, QC1 : 1x1 mL QC2 : 1x1 mL ; Calibrator : 1x1 mL	Hộp	2
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất cho xét nghiệm Fibrinogen Thành phần chính:: FIB Fluid Reagent: Thrombin < 100 U/mL; OVB Buffer: Sodium chloride < 140 mmol/L. Tiêu chuẩn công nghệ: ISO 13485	10x5 mL + 2x51 mL/ Hộp	Hộp	2
17	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy đông máu	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy đông máu mức 1, sử dụng để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm lâm sàng về thời gian prothrombin (PT), thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT), thời gian thrombin (TT), fibrinogen (FIB) và antithrombin III (AT-III) Bộ kiểm chuẩn được làm bằng huyết tương được xử lý bằng natri citrat 1. Độ chính xác: nằm trong phạm vi giá trị mục tiêu Kiểm soát. 2. Độ đồng nhất: CV: 55,0%.	1x1mL/ Lọ	Lọ	2
18	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy đông máu	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy đông máu mức 2, sử dụng để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm lâm sàng về thời gian prothrombin (PT), thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) Bộ kiểm chuẩn được làm bằng huyết tương được xử lý bằng natri citrat 1. Độ chính xác: nằm trong phạm vi giá trị mục tiêu Kiểm soát. 2. Độ đồng nhất: CV: 55,0%.	1x1mL/ Lọ	0	2

19	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy đông máu	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy đông máu, sử dụng để hiệu chuẩn các hệ thống phát hiện thời gian prothrombin (PT), fibrinogen (FIB) và antithrombin III (AT-III) trên lâm sàng. Thành phần: Bộ hiệu chuẩn được làm bằng huyết tương được xử lý bằng natri citrat 1. Độ chính xác: Độ lệch tương đối phải nằm trong phạm vi $\pm 15,0\%$. 2. Độ đồng nhất: $CV < 5,0\%$.	1x1mL/ Lọ	0	2
20	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvet được thiết kế để sử dụng cùng máy xét nghiệm đông máu, cho các xét nghiệm IVD để xác định các thông số máu thông qua phép đo quang học thời gian đông máu của các mẫu huyết tương. Cuvet được thiết kế dùng 1 lần	1440 cái/Hộp	0	1
21	Hóa chất rửa đầu dò (Detergent I)	Hóa chất rửa đầu dò - Thành phần chính: Sodium hypochlorite $\leq 3,0\%$. [Chỉ số hiệu suất sản phẩm] Ở $(25 \pm 1)^\circ\text{C}$, pH là $12,00 \pm 1,0$; Chênh lệch giữa các lô phải đạt: $\Delta\text{pH} \leq 2.0$ Tiêu chuẩn công nghệ: ISO 13485	50mL/Lọ	Lọ	1
22	Hóa chất rửa đầu dò (Detergent II)	Hóa chất rửa đầu dò: Thành phần chính: Anionic surfactant $\leq 1.5\%$ [Chỉ số hiệu suất sản phẩm] Ở $(25 \pm 1)^\circ\text{C}$, pH là $2,00 \pm 0,50$; Chênh lệch giữa các lô phải đạt: $\Delta\text{pH} \leq 1.0$ Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	500mL/Lọ	Lọ	1
